

Số: 17 /2023/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự
các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và
mức chi tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi tổ chức các hoạt động trong
lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

a) Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp trung học
phổ thông; kỳ thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp.

b) Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi: Hội
thi giáo dục an toàn giao thông; hội thi gia đình - dinh dưỡng - trẻ thơ; hội thi bé
với dinh dưỡng; hội thi bé khéo tay, bé nhanh trí, bé tập làm nội trợ; cuộc thi
khoa học kỹ thuật; cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp; kỳ thi cấp giấy
chứng nhận nghề phổ thông; hội thi viết chữ đúng - rèn chữ đẹp; hội thi văn hóa,

văn nghệ; hội thi thanh lịch; hội thi câu lạc bộ tiếng Anh; hội thi Olympic tiếng Anh; hội thi hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp; hội thi giới thiệu sách; hội thi cán bộ đoàn, đội giỏi; cuộc thi giải toán trên máy tính cầm tay.

c) Quy định nội dung và mức chi tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi; hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi; hội thi cán bộ thư viện giỏi; hội thi xây dựng thiết bị dạy học số; hội thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi giáo viên thanh lịch; hội thi cô nuôi trẻ giỏi; hội thi văn nghệ giáo viên; hội thi tổng phụ trách đội giỏi; hội thi tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học.

d) Quy định nội dung và mức chi tổ chức hội thao quốc phòng và an ninh; hội khỏe phù đồng; hội thi thể thao.

2. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân, cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục có liên quan đến công tác tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quy định nội dung và mức chi tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

1. Quy định nội dung và mức chi tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Quy định nội dung và mức chi tổ chức kỳ thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Quy định nội dung và mức chi tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi: hội thi giáo dục an toàn giao thông; hội thi gia đình - dinh dưỡng - trẻ thơ; hội thi bé với dinh dưỡng; hội thi bé khéo tay, bé nhanh trí, bé tập làm nội trợ; cuộc thi khoa học kỹ thuật; cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp; kỳ thi cấp giấy chứng nhận nghề phổ thông; hội thi viết chữ đúng - rèn chữ đẹp; hội thi văn hóa, văn nghệ; hội thi thanh lịch; hội thi câu lạc bộ tiếng Anh; hội thi Olympic tiếng Anh; hội thi hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp; hội thi giới thiệu sách; hội thi cán bộ đoàn, đội giỏi; cuộc thi giải toán trên máy tính cầm tay theo Phụ lục IV, V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Quy định nội dung và mức chi tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi; hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi; hội thi cán bộ thư viện giỏi; hội thi xây dựng thiết bị dạy học số; hội thi tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học; hội thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi giáo viên thanh lịch; hội thi cô nuôi trẻ giỏi; hội thi văn nghệ giáo viên; hội thi tổng phụ trách đội giỏi theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Quy định nội dung và mức chi tổ chức hội thao quốc phòng và an ninh; hội khỏe phù đồng; hội thi thể thao theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước: Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cấp tỉnh chủ trì, ngân sách cấp huyện bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cấp huyện chủ trì.

2. Đối với các nội dung, mức chi cấp trường, đơn vị sử dụng từ nguồn chi thường xuyên giao tự chủ và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Nội dung và mức chi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được áp dụng thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian tổ chức các hoạt động. Trường hợp một người được phân công nhiều nhiệm vụ khác nhau trong ngày thì được hưởng một mức thù lao, tiền công, tiền bồi dưỡng cao nhất của các nhiệm vụ đó.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 31 tháng 7 năm 2023.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, VHXX.ttkan.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục I
QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI TỐT NGHIỆP
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
1. Ban Chỉ đạo			
- Trưởng ban	Người/ngày	500	
- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400	
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	200	
2. Hội đồng thi			
- Chủ tịch	Người/ngày	500	
- Phó Chủ tịch	Người/ngày	450	
- Ủy viên	Người/ngày	400	
3. Hội đồng/Ban in sao đề thi			
- Chủ tịch/Trưởng ban làm việc cách ly	Người/ngày	500	
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban làm việc cách ly	Người/ngày	450	
- Thư ký, uỷ viên, nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	400	
- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200	
- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	400	
4. Ban Thư ký Hội đồng thi			
- Trưởng ban	Người/ngày	500	
- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
- Ủy viên	Người/ngày	400	
5. Hội đồng/Ban coi thi			
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
- Trưởng điểm thi	Người/ngày	500	
- Phó Trưởng điểm thi	Người/ngày	450	
- Ủy viên, thư ký, giám thi, giám sát	Người/ngày	400	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	200	
- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi, đề thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	Người/đêm	100	
6. Ban/Tổ làm phách			
- Trưởng ban/Tổ trưởng làm việc cách ly	Người/ngày	500	
- Phó Trưởng ban/Tổ phó làm việc cách ly	Người/ngày	450	
- Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	400	
- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200	
7. Tổ chức chấm thi: Hội đồng/Ban chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi; Hội đồng/Ban phúc khảo bài thi tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm			
- Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	500	
- Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	400	
- Công an bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	200	

- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	<i>Người/đêm</i>	100	
8. Thanh tra/kiểm tra kỳ thi tốt nghiệp			
- Trưởng/Phó đoàn thanh tra	<i>Người/ ngày</i>	500	
- Thành viên	<i>Người/ ngày</i>	400	

Phụ lục II
QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI TUYỂN SINH
ĐẦU CẤP PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)		Ghi chú
		THPT	THPT Chuyên	
1. Ban Chỉ đạo				
- Trưởng ban	Người/ngày	500	500	
- Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	450	
- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400	400	
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	200	200	
2. Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi tuyển sinh đầu cấp				
2.1. Xây dựng và phê duyệt ma trận đề, bảng đặc tả đề thi				
- Chủ trì	Người/ngày	400	400	
- Thành viên	Người/ngày	350	350	
2.2. Soạn thảo câu hỏi				
- Câu hỏi thô	Câu	40	60	
- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	40	50	
- Chính sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	40	40	
- Chính sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	28	28	
- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa	Câu	8	8	
3. Hội đồng/Ban ra đề thi				
a) Đề đề xuất	Đề	450	580	
b) Đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm				
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	500	
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	450	
- Thư ký, ủy viên	Người/ngày	400	400	
- Công an Bảo vệ vòng trong (24h/24h)	Người/ngày	350	350	
- Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	300	300	
4. Hội đồng/Ban coi thi				
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	500	
- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	450	450	
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám thị, giám sát	Người/ngày	400	400	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	200	200	
- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi, đề thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	Người/đêm	100	100	
5. Hội đồng/Ban chấm thi, chấm thẩm định, chấm phúc khảo				
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	500	
- Phó chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	450	
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám khảo	Người/ngày	400	400	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	200	200	
- Tiền công Tổ trưởng chấm thi (ngoài tiền công chấm bài thi)	Người/đợt	300	300	
- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	Người/đêm	100	100	
6. Thanh tra/kiểm tra tuyển sinh vào lớp 10				
- Trưởng/Phó đoàn thanh tra	Người/ngày	500	500	
- Thành viên	Người/ngày	400	400	



Phụ lục III

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh)

I. Nội dung, mức chi cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)				Ghi chú
		Cấp trường	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1. Ban chỉ đạo						
- Trưởng ban	Người/ngày	190	400	500		
- Phó Trưởng ban	Người/ngày	160	360	450		
- Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	110	320	400		
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	280	350		
2. Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi học sinh giỏi các cấp						
2.1. Xây dựng và phê duyệt ma trận đề, bảng đặc tả đề thi						
- Chủ trì	Người/ngày		300	450		
- Thành viên	Người/ngày		250	400		
2.2. Soạn thảo câu hỏi						
- Câu hỏi thô	Câu		40	60		
- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập	Câu		40	50		
- Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu		40	40		
- Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề	Câu		28	28		
- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa	Câu		8	8		
3. Hội đồng/Ban ra đề thi						
a. Đề đề xuất kèm đáp án, biểu điểm	Đề	240	400	500		
b. Đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm						
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500		
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	400	450		
- Ủy viên, ủy viên thư ký	Người/ngày	280	400	450		
- Công an bảo vệ vòng trong (24h/24h)	Người/ngày		300	350		
- Ủy viên, công an bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	100	150	200		
4. Hội đồng/Ban coi thi						
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	400	500	560	
- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	220	340	450	500	
- Ủy viên, ủy viên thư ký, giám thị, giám sát, kỹ thuật viên	Người/ngày	170	280	400	450	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, nhân viên y tế	Người/ngày	100	150	200	200	
- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi, đề thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	Người/đêm				100	
5. Hội đồng/Ban chấm thi, chấm thẩm định, chấm phúc khảo						
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	400	500		
- Phó chủ tịch/ Phó trưởng ban	Người/ngày	220	360	450		
- Ủy viên, ủy viên thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	200	320	400		
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	200	200		
- Đối với những người thực hiện nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi ban đêm (ngoài các mức chi trên)	Người/đêm		100	100		

II. Nội dung, mức chi liên quan đến tổ chức kỳ thi

1. Tập huấn, bồi dưỡng các đội tuyển dự thi						
- Chi dịch tài liệu tham khảo (tối thiểu mỗi trang phải đạt 300 từ của văn bản gốc)	Trang				80	
- Chi cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn, bồi dưỡng	Người/ngày	150	150	200	200	
- Chi biên soạn và giảng dạy						
+ Chi thuê giảng viên, giáo viên tập huấn, dạy bồi dưỡng	Tiết				800	
+ Biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Tiết	200	200	250	500	
+ Biên soạn và giảng dạy thực hành	Tiết	150	150	200	450	
+ Trợ lý thí nghiệm, thực hành	Tiết	150	150	200	300	
2. Tiền lưu trú, ở và vé tàu xe đi lại của giáo viên, nhân viên ở xa trong thời gian tập huấn		Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi				
3. Chi cho học sinh						
- Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển những ngày tập huấn	Người/ngày		100	150	200	
- Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển những ngày dự thi	Người/ngày	100	100	150	250	
- Tiền ở, tàu xe đi lại cho học sinh ở xa trong thời gian tập huấn, dự thi; thuê phòng học, phòng thí nghiệm, nguyên liệu hóa chất thực hành,...		Chi thực tế và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ hóa đơn theo quy định trong phạm vi dự toán				

III. Chi khen thưởng

- Giải nhất	Giải	500	640	800		
- Giải nhì	Giải	400	450	600		
- Giải ba	Giải	250	300	400		
- Giải khuyến khích	Giải	150	200	250		



Phụ lục IV

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI: HỘI THI GIÁO DỤC AN TOÀN GIAO THÔNG; HỘI THI GIA ĐÌNH - DINH DƯỠNG - TRẺ THƠ; HỘI THI BÉ VỚI DINH DƯỠNG; HỘI THI BÉ KHÉO TAY, BÉ NHANH TRÍ, BÉ TẬP LÀM NỘI TRỢ; CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT; CUỘC THI HỌC SINH VỚI Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP; KỲ THI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỀ PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh)

I. Nội dung, mức chi cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)				Ghi chú
		Cấp trường	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1. Ban chỉ đạo						
- Trưởng ban	Người/ngày	190	320	400		
- Phó Trưởng ban	Người/ngày	160	290	360		
- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	110	260	320		
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	220	280		
2. Hội đồng/Ban ra đề thi						
a. Đề đề xuất	Đề	240	310	460		
b. Ra đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm						
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500		
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450		
- Người ra đề thi	Người/ngày	280	360	450		
- Ủy viên, ủy viên thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	250	320	400		
- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	150	200		
3. Hội đồng/Ban coi thi						
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400		
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	220	290	360		
- Ủy viên, ủy viên thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	Người/ngày	170	220	280		
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	150	200		
4. Hội đồng/Ban chấm thi						
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400		
- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	224	290	360		
- Ủy viên, ủy viên thư ký, người chấm thi (giám khảo), kỹ thuật viên	Người/ngày	200	260	320		
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	150	200		

II. Nội dung, mức chi liên quan đến tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi

1. Giáo viên, nhân viên hướng dẫn						
- Hướng dẫn học sinh hoàn thiện sản phẩm để tham gia dự thi cấp tỉnh/quốc gia cuộc thi Khoa học kỹ thuật (số buổi tính cho 01 sản phẩm/dự án không quá 20 buổi)	Người/buổi			250	500	

- Hướng dẫn học sinh tham gia hội thi giáo dục an toàn giao thông; hội thi gia đình - dinh dưỡng - trẻ thơ; hội thi bé với dinh dưỡng; hội thi bé khéo tay, bé nhanh trí, bé tập làm nội trợ; cuộc thi học sinh với ý tưởng khởi nghiệp	Người/ngày		50	100	150	
2. Chi học sinh						
- Hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho học sinh luyện tập để gia tham hội thi, cuộc thi	Người/ngày		50	100	150	
- Tiền ăn học sinh tham gia hội thi, cuộc thi	Người/ngày		100	150	200	
- Tiền ở, tàu xe đi lại cho học sinh ở xa trong thời gian tập huấn, dự thi; thuê phòng học, phòng thí nghiệm, nguyên liệu hóa chất thực hành,...	Chi thực tế và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định trong phạm vi dự toán được giao					

III. Chi khen thưởng

1. Thưởng cá nhân						
- Nhất hoặc tương đương	Giải	400	450	600		
- Nhì hoặc tương đương	Giải	250	300	450		
- Ba hoặc tương đương	Giải	150	200	300		
2. Thưởng tập thể (có từ 02 học sinh trở lên)						
- Nhất hoặc tương đương	Giải	500	600	800		
- Nhì hoặc tương đương	Giải	350	400	600		
- Ba hoặc tương đương	Giải	250	300	400		
- Khuyến khích/giải tư	Giải	150	200	250		

IV. Chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự kỳ thi, cuộc thi, hội thi:

1. Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi; tổ chức thi; chấm thi (nếu có): Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thi chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.

2. Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi; thuê vận chuyển: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

V. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của những người tham gia công tác ra đề, tổ chức thi và chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị Quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.



Phụ lục V

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC HỘI THI VIẾT CHỮ ĐÚNG - RÈN CHỮ ĐẸP; HỘI THI VĂN HÓA, VĂN NGHỆ; HỘI THI THANH LỊCH; HỘI THI CÂU LẠC BỘ TIẾNG ANH; HỘI THI OLYMPIC TIẾNG ANH; HỘI THI HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP, HƯỚNG NGHIỆP; HỘI THI GIỚI THIỆU SÁCH; HỘI THI CÁN BỘ ĐOÀN, ĐỘI GIỎI; CUỘC THI GIẢI TOÁN TRÊN MÁY TÍNH CẦM TAY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh)

I. Nội dung, mức chi cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)				Ghi chú
		Cấp trường	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1. Ban chỉ đạo						
- Trưởng ban	Người/ngày	190	320	400		
- Phó Trưởng ban	Người/ngày	160	290	360		
- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	110	260	320		
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	220	280		
2. Hội đồng/Ban ra đề thi						
a. Đề đề xuất	Đề	240	310	460		
b. Ra đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm						
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500		
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450		
- Người ra đề thi	Người/ngày	280	360	450		
- Ủy viên, ủy viên thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	250	320	400		
- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	150	200		
3. Hội đồng/Ban coi thi						
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400		
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	220	290	360		
- Ủy viên, ủy viên thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	Người/ngày	170	220	280		
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	150	200		
4. Hội đồng/ Ban chấm thi						
- Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400		
- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	224	290	360		
- Ủy viên, ủy viên thư ký, người chấm thi (giám khảo), kỹ thuật viên	Người/ngày	200	260	320		
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	150	200		
II. Nội dung, mức chi luyện tập và tham gia hội thi						
1. Hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho học sinh, giáo viên, nhân viên luyện tập để tham gia hội thi, cuộc thi	Người/ngày		50	100	150	
2. Tiền ăn học sinh tham gia hội thi, cuộc thi	Người/ngày		100	150	200	

3. Tiền ở, tàu xe đi lại cho học sinh ở xa trong thời gian tập huấn, dự thi; thuê phòng học, phòng thí nghiệm, nguyên liệu hóa chất thực hành,..	Chi thực tế và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định trong phạm vi dự toán được giao
--	---

III. Chi khen thưởng

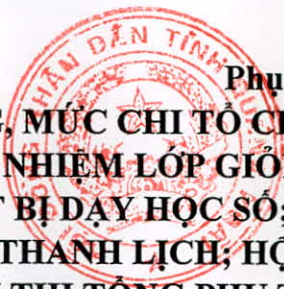
1. Thưởng cá nhân						
- Nhất hoặc tương đương	Giải	400	450	600		
- Nhì hoặc tương đương	Giải	250	300	450		
- Ba hoặc tương đương	Giải	150	200	300		
2. Thưởng tập thể (có từ 02 học sinh trở lên)						
- Nhất hoặc tương đương	Giải	500	600	800		
- Nhì hoặc tương đương	Giải	350	400	600		
- Ba hoặc tương đương	Giải	250	300	400		
- Khuyến khích/giải tư	Giải	150	200	250		

IV. Chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các hội thi:

1. Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi; tổ chức thi; chấm thi (nếu có): Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.

2. Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

V. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của những người tham gia công tác ra đề, tổ chức thi và chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị Quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.



Phụ lục VI

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC HỘI THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI; HỘI THI GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP GIỎI; HỘI THI CÁN BỘ THƯ VIỆN GIỎI; HỘI THI XÂY DỰNG THIẾT BỊ DẠY HỌC SỐ; HỘI THI THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ; HỘI THI GIÁO VIÊN THANH LỊCH; HỘI THI CÔ NUÔI TRẺ GIỎI; HỘI THI VĂN NGHỆ GIÁO VIÊN; HỘI THI TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI GIỎI; HỘI THI TỰ LÀM VÀ SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh)

I. Nội dung, mức chi cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp trường	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1. Ban chỉ đạo					
- Trưởng ban	Người/ngày	240	400	500	
- Phó Trưởng ban	Người/ngày	200	360	450	
- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	140	320	400	
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	280	350	
2. Hội đồng/Ban ra đề thi					
a. Đề đề xuất	Đề	300	390	580	
b. Ra đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm					
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450	
- Người ra đề thi	Người/ngày	280	360	450	
- Ủy viên, ủy viên thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	250	320	400	
- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	125	150	
3. Hội đồng/Ban coi thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450	
- Ủy viên, ủy viên thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	Người/ngày	220	280	350	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	125	150	
4. Hội đồng/Ban chấm thi					
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	320	400	500	
- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	360	450	
- Ủy viên, ủy viên thư ký, người chấm thi (giám khảo), kỹ thuật viên	Người/ngày	250	320	400	
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	125	150	

II. Chi khen thưởng

- Giải nhất	Giải	500	640	800	
- Giải nhì	Giải	400	450	600	
- Giải ba	Giải	250	300	400	
- Khuyến khích/giải tư	Giải	150	200	250	

III. Nội dung, mức chi theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các hội thi

1. Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi; tổ chức thi; chấm thi (nếu có): Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định. Trong trường hợp sử dụng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác (địa điểm, thiết bị, dụng cụ) để thực hiện nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ, thì chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất; bên cho mượn cơ sở vật chất hạch toán khoản thu này để giảm chi kinh phí hoạt động của đơn vị.

2. Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ này tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

IV. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác ra đề, tổ chức thi và chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Nghị Quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.



Phụ lục VII

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC HỘI THAO QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH; HỘI KHỎE PHU ĐỒNG; HỘI THI THỂ THAO

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh)

I. Nội dung, mức chi cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ, chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các hội thi:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)				Ghi chú
		Cấp trường	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1. Hội đồng /Ban ra đề						
a. Đề đề xuất	Đề	190	250	370		
b. Ra đề chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu chấm						
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	260	320	400		
- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	230	290	360		
- Người ra đề	Người/ngày	230	290	360		
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	200	260	320		
- Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	100	120		
2. Hội đồng/Ban giám khảo						
- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	210	250	320		
- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	180	230	290		
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	140	200	220		
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	100	120		
3. Ban thư ký						
- Trưởng Ban	Người/ngày	210	250	320		
- Phó Trưởng Ban	Người/ngày	180	230	290		
- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	140	200	220		
- Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	100	100	120		
4. Ban tổ chức, Tiểu ban chuyên môn, Trọng tài, Giám sát, Thư ký, Công an, y tế, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, nhân viên phục vụ; Tổ chức đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ cấp tỉnh, cấp huyện: Áp dụng 85% mức chi quy định tại Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND ngày 31/7/2014 của HĐND tỉnh quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Cấp trường áp dụng tối đa bằng 80% mức chi cấp tỉnh, cấp huyện.						
5. Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên						
- Trong thời gian tham gia luyện tập	Người/ngày	90	120	150	200	
- Trong thời gian tham gia thi	Người/ngày	120	160	200	300	Áp dụng đối với trường hợp không đủ điều kiện thanh toán công tác phí
6. Tiền lưu trú, ở, tàu xe cho huấn luyện viên, vận động viên là giáo viên, nhân viên, diễn viên trong thời gian luyện tập và tham gia thi		Áp dụng mức chi tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi				

7. Tiền ở, tàu xe đi lại cho học sinh trong thời gian luyện tập và tham gia thi	Chi thực tế và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định trong phạm vi dự toán được giao					
8. Mức chi hỗ trợ trang điểm, hóa trang cho người tham gia biểu diễn khai mạc, tổng kết	Người/đợt	120	160	200	250	Có hóa đơn hợp lệ
9. Mức chi thuê trang phục cho người tham gia biểu diễn khai mạc, tổng kết	Người/đợt	60	80	100	150	
10. Thuê đạo diễn chương trình, thuê người dẫn chương trình (MC) khai mạc, tổng kết	Căn cứ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao					
11. Tiền thuê cơ sở vật chất, phí khám sức khỏe cho vận động viên, mua vật tư y tế, một số chi phí khác như vận chuyển, lắp đặt, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, văn phòng phẩm, in ấn biểu mẫu, thẻ đeo, ...	Căn cứ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao					

II. Chi khen thưởng

1. Giải cá nhân						
- Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	250	350	400		
- Giải nhì /Huy chương bạc	Giải	200	250	300		
- Giải ba /Huy chương đồng	Giải	150	150	200		
2. Giải tập thể (có từ 02 đến 04 vận động viên)						
- Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	400	600	700		
- Giải nhì /Huy chương bạc	Giải	300	400	500		
- Giải ba /Huy chương đồng	Giải	200	300	300		
- Giải khuyến khích	Giải	100	150	200		
3. Giải tập thể (Môn thi đấu có từ 05 trở lên hoặc có từ 7 nội dung trở lên)						
- Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	600	800	1.000		
- Giải nhì /Huy chương bạc	Giải	400	600	700		
- Giải ba /Huy chương đồng	Giải	250	400	400		
- Giải khuyến khích	Giải	150	200	300		
4. Giải toàn đoàn (hội thi, giải thi đấu có từ 10 đơn vị tham gia hoặc giải thi đấu thể thao có 03 môn thi đấu trở lên)						
- Giải nhất	Giải	1.000	1.200	1.500		
- Giải nhì	Giải	800	800	1.000		
- Giải ba	Giải	400	600	800		
- Giải khuyến khích	Giải	300	500	600		

Chú thích:

- Đối với hội thao quốc phòng và an ninh chỉ áp dụng đối với cấp trường THPT và cấp tỉnh.
- Trường hợp các văn bản viện dẫn trên bị thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới ban hành theo đúng quy định.